

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 8 - 28 |



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|---------------------|------------|
| Ông Phạm Kim Lâm | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Khắc Sơn | Thành viên |
| Ông Nguyễn Việt Hà | Thành viên |
| Ông Hoàng Mạnh Hải | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hữu Hằng | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|---|
| Ông Nguyễn Khắc Sơn | Tổng Giám đốc |
| Ông Vũ Xuân Cường | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2012) |
| Ông Nguyễn Văn Thanh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Thủy | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2012) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Khắc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Số: 203 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 28. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa đánh giá lại khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố. Nếu thực hiện đánh giá lại khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo quy định của Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”), khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” sẽ giảm 33.579.181.475 VND, khoản mục “Vay và nợ ngắn hạn” sẽ tăng 33.579.181.475 VND, khoản mục “Vay và nợ dài hạn” sẽ giảm 69.906.346.872 VND và lợi nhuận trong kỳ sẽ tăng 69.906.346.872 VND. Đồng thời, Công ty chưa phân bổ hết số lỗ chênh lệch tỷ giá để bù trừ hết lợi nhuận trong kỳ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 201. Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 3.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Vũ Mai Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | | |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | 30/6/2012 | 31/12/2011 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 6.272.565.424.475 | 5.698.246.415.707 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 559.487.757.039 | 1.182.518.046.893 |
| 1. Tiền | 111 | | 25.767.757.039 | 1.680.046.893 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 533.720.000.000 | 1.180.838.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 2.966.001.965.073 | 2.831.901.965.073 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 2.966.001.965.073 | 2.831.901.965.073 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 2.010.265.103.961 | 957.052.480.506 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 6 | 1.899.772.694.064 | 909.092.142.759 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 110.074.197.080 | 47.530.596.404 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | | 418.212.817 | 429.741.343 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 7 | 707.627.575.566 | 689.442.173.506 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 857.216.337.484 | 833.030.935.424 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (149.588.761.918) | (143.588.761.918) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 29.183.022.836 | 37.331.749.729 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 3.128.643 | 2.973.692 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 28.242.164.804 | 35.817.827.558 |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 937.729.389 | 1.510.948.479 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260) | 200 | | 5.725.408.312.570 | 6.096.888.950.543 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 2.718.942.787.291 | 3.127.999.560.393 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 2.451.950.970.871 | 2.792.562.187.005 |
| - Nguyên giá | 222 | | 13.339.770.098.984 | 13.336.120.732.787 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (10.887.819.128.113) | (10.543.558.545.782) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 9 | 24.032.045.981 | 26.963.601.521 |
| - Nguyên giá | 228 | | 57.671.104.230 | 57.671.104.230 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (33.639.058.249) | (30.707.502.709) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 10 | 242.959.770.439 | 308.473.771.867 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 2.705.260.930.641 | 2.664.188.930.641 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 12 | 1.193.455.770.150 | 1.193.455.770.150 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 13 | 1.555.288.160.491 | 1.515.288.160.491 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | 13 | (43.483.000.000) | (44.555.000.000) |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 301.204.594.638 | 304.700.459.509 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 9.409.655.112 | 12.905.519.983 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 14 | 291.794.939.526 | 291.794.939.526 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 11.997.973.737.045 | 11.795.135.366.250 |

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | 30/6/2012 | 31/12/2011 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 8.443.370.400.658 | 8.814.396.373.421 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.012.549.398.131 | 1.136.325.160.163 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 15 | 457.064.964.430 | 495.304.569.014 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 66.541.206.945 | 189.970.453.154 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 2.731.083.399 | 2.167.686.854 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 16 | 15.807.607.955 | 17.742.792.161 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 45.562.991.514 | 46.916.501.915 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 17 | 400.530.463.940 | 372.371.064.061 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | | 12.032.527.007 | 8.292.949.859 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 12.278.552.941 | 3.559.143.145 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 7.430.821.002.527 | 7.678.071.213.258 |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 334 | 18 | 7.429.568.535.439 | 7.677.220.819.945 |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 1.252.467.088 | 850.393.313 |
| B. NGUỒN VỐN (400=410) | 400 | | 3.526.129.697.566 | 2.951.917.723.614 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 3.526.129.697.566 | 2.951.917.723.614 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 3.262.350.000.000 | 3.262.350.000.000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 149.746.010.040 | 149.746.010.040 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (125.602.728.849) | (125.602.728.849) |
| 4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | (320.613.317.012) | (717.705.848.290) |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 269.324.527.781 | 268.720.716.781 |
| 6. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 82.781.058.500 | 82.500.000.000 |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 208.144.147.106 | 31.909.573.932 |
| C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | 28.473.638.821 | 28.821.269.215 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439) 440 | | | 11.997.973.737.045 | 11.795.135.366.250 |



Nguyễn Khắc Sơn

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn

Người lập

Nguyễn Quang Huy

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 |
|---|-------|-------------|---------------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 20 | 2.201.956.068.722 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 2.201.956.068.722 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 21 | 1.795.946.750.275 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 406.009.318.447 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 22 | 292.602.175.310 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 23 | 452.216.317.862 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 105.235.924.492 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 49.491.930.412 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25) | 30 | | 196.903.245.483 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 3.773.527.133 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 2.325.964.134 |
| 12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32) | 40 | | 1.447.562.999 |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 198.350.808.482 |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 24 | 1.164.303.202 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) | 60 | | 197.186.505.280 |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 1.696.962.780 |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 62 | | 195.489.542.500 |
| 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 25 | 614 |



Nguyễn Khắc Sơn

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn

Người lập

Nguyễn Quang Huy

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Lợi nhuận trước thuế

2. Điều chỉnh cho các khoản:

- Khấu hao tài sản cố định
- Các khoản dự phòng
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư
- Chi phí lãi vay

3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động

- Biến động các khoản phải thu
- Biến động hàng tồn kho
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)
- Biến động chi phí trả trước
- Tiền lãi vay đã trả
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định
- 2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác
- 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác
- 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
- 5. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- 1. Tiền chi trả nợ gốc vay
- 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ

Mã số Từ ngày 01/01/2012
số đến ngày 30/6/2012

| | |
|----|---------------------|
| 01 | 198.350.808.482 |
| 02 | 348.694.298.613 |
| 03 | 4.928.000.000 |
| 04 | 397.092.531.278 |
| 05 | (292.632.950.432) |
| 06 | 105.235.924.492 |
| 08 | 761.668.612.433 |
| 09 | (810.593.852.479) |
| 10 | (24.185.402.060) |
| 11 | 20.872.755.363 |
| 12 | 3.495.864.871 |
| 13 | (106.607.845.627) |
| 16 | (6.404.192.286) |
| 20 | (161.754.059.785) |
| 21 | (58.347.247.328) |
| 23 | (1.167.184.444.444) |
| 24 | 1.033.084.444.444 |
| 25 | (40.000.000.000) |
| 27 | 58.162.906.349 |
| 30 | (174.284.340.979) |
| 34 | (285.891.889.090) |
| 36 | (1.100.000.000) |
| 40 | (286.991.889.090) |
| 50 | (623.030.289.854) |
| 60 | 1.182.518.046.893 |
| 70 | 559.487.757.039 |



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Nguyễn Khắc Sơn

Lê Thế Sơn

Nguyễn Quang Huy

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ ba số 0800296853 ngày 11 tháng 8 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.445 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.470).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Hoạt động chính của Công ty con là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay; cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo; vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp; xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông; thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong kỳ cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 |
|--------------------------|--|
| | Số năm |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 10 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 08 - 12 |
| Phương tiện vận tải | 10 - 15 |
| Thiết bị văn phòng | 03 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 03 - 25 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" đồng thời với khoản mục "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm. Trong kỳ, Công ty đã phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại khoản vay dài hạn vào kết quả kinh doanh với số tiền là 320.613.317.012 VND.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 giảm 397.092.531.278 VND (năm 2011: tăng 717.705.848.290 VND) và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ giảm 320.613.317.012 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 717.705.848.290 VND) so với áp dụng theo VAS10.

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ. Nếu thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ theo quy định tại Thông tư 201, khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” sẽ giảm 33.579.181.475 VND, khoản mục “Vay và nợ ngắn hạn” sẽ tăng 33.579.181.475 VND, khoản mục “Vay và nợ dài hạn” sẽ giảm 69.906.346.872 VND và lợi nhuận trong kỳ sẽ tăng 69.906.346.872 VND.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế tại các văn bản bao gồm Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005 về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tổ chức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 1591/TCT/DNHN của Tổng cục Thuế ngày 04 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2008, thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động nêu trên chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Quy định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 30/6/2012 | 31/12/2011 |
|--------------------------------|------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 225.499.560 | 150.413.715 |
| Tiền gửi ngân hàng | 25.542.257.479 | 1.529.633.178 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 533.720.000.000 | 1.180.838.000.000 |
| | 559.487.757.039 | 1.182.518.046.893 |

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 30/6/2012 | 31/12/2011 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 395.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii) | 2.571.001.965.073 | 2.771.901.965.073 |
| | 2.966.001.965.073 | 2.831.901.965.073 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - |
| | 2.966.001.965.073 | 2.831.901.965.073 |

(i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.

(ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFC), ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), ủy thác quản lý đầu tư tại Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVN Finance) và khoản tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | 30/6/2012 | 31/12/2011 |
|---------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu tiền điện (i) | 1.557.113.002.200 | 732.504.499.886 |
| Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính | 325.376.860.158 | 158.336.926.135 |
| Phải thu khách hàng khác | 17.282.831.706 | 18.250.716.738 |
| | 1.899.772.694.064 | 909.092.142.759 |

(i) Ngày 12 tháng 6 năm 2012, Công ty ký Biên bản thỏa thuận về việc chậm thanh toán tiền điện với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC"), theo đó tiền điện phải thu từ Công ty Mua bán điện được thanh toán chậm hơn so với lịch thanh toán trong hợp đồng mua bán điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

| | 30/6/2012 | 31/12/2011 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 824.697.493.687 | 826.960.948.152 |
| Công cụ, dụng cụ | 5.683.688.496 | 5.867.157.714 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 26.835.155.301 | 6.000.000 |
| Thành phẩm | - | 196.829.558 |
| | 857.216.337.484 | 833.030.935.424 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (149.588.761.918) | (143.588.761.918) |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | 707.627.575.566 | 689.442.173.506 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tài sản có định khác | Đơn vị: VND | Tổng cộng |
|-------------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|-------------|--------------------|
| | | | | | | | |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 1.716.374.782.633 | 11.505.101.873.010 | 70.920.079.488 | 40.670.500.592 | 3.053.497.064 | | 13.336.120.732.787 |
| Tăng trong kỳ | 470.500.000 | 1.729.604.002 | 15.311.383.465 | 4.962.063.741 | - | | 22.473.551.208 |
| Mua sắm mới | 470.500.000 | 1.729.604.002 | - | 3.076.643.807 | - | | 5.276.747.809 |
| Tặng khác | - | - | 15.311.383.465 | 1.885.419.934 | - | | 17.196.803.399 |
| Giảm trong kỳ | - | 17.196.803.399 | 1.627.381.612 | - | - | | 18.824.185.011 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 1.627.381.612 | - | - | | 1.627.381.612 |
| Giảm khác | - | 17.196.803.399 | - | - | - | | 17.196.803.399 |
| Tại ngày 30/6/2012 | 1.716.845.282.633 | 11.489.634.673.613 | 84.604.081.341 | 45.632.564.333 | 3.053.497.064 | | 13.339.770.098.984 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 1.209.140.212.227 | 9.257.792.302.563 | 40.722.115.240 | 34.364.671.265 | 1.539.244.487 | | 10.543.558.545.782 |
| Tăng trong kỳ | 25.654.091.761 | 314.695.463.390 | 17.892.128.382 | 3.841.788.225 | 186.154.884 | | 362.269.626.642 |
| Trích khấu hao | 25.590.403.123 | 314.694.713.390 | 3.338.638.387 | 1.956.368.291 | 182.619.882 | | 345.762.743.073 |
| Tặng khác | 63.688.638 | 750.000 | 14.553.489.995 | 1.885.419.934 | 3.535.002 | | 16.506.883.569 |
| Giảm trong kỳ | - | 16.438.909.929 | 1.570.134.382 | - | - | | 18.009.044.311 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 1.570.134.382 | - | - | | 1.570.134.382 |
| Giảm khác | - | 16.438.909.929 | - | - | - | | 16.438.909.929 |
| Tại ngày 30/6/2012 | 1.234.794.303.988 | 9.556.048.856.024 | 57.044.109.240 | 38.206.459.490 | 1.725.399.371 | | 10.887.819.128.113 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | | |
| Tại ngày 30/6/2012 | 482.050.978.645 | 1.933.585.817.589 | 27.559.972.101 | 7.426.104.843 | 1.328.097.693 | | 2.451.950.970.871 |
| Tại ngày 31/12/2011 | 507.234.570.406 | 2.247.309.570.447 | 30.197.964.248 | 6.305.829.327 | 1.514.252.577 | | 2.792.562.187.005 |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với giá trị là 4.569.432.420.490 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.551.817.413.487 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm kế toán</u> | <u>Tổng cộng</u> |
|-------------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 57.274.433.766 | 396.670.464 | 57.671.104.230 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - |
| Tại ngày 30/6/2012 | 57.274.433.766 | 396.670.464 | 57.671.104.230 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2012 | 30.469.483.786 | 238.018.923 | 30.707.502.709 |
| Trích khấu hao | 2.873.614.236 | 57.941.304 | 2.931.555.540 |
| Tại ngày 30/6/2012 | 33.343.098.022 | 295.960.227 | 33.639.058.249 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 30/6/2012 | 23.931.335.744 | 100.710.237 | 24.032.045.981 |
| Tại ngày 31/12/2011 | 26.804.949.980 | 158.651.541 | 26.963.601.521 |

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | <u>30/6/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định (i) | 241.607.824.311 | 307.068.401.622 |
| Xây dựng cơ bản khác | 1.351.946.128 | 1.405.370.245 |
| | <u>242.959.770.439</u> | <u>308.473.771.867</u> |

(i) Chi phí sửa chữa lớn được phê duyệt theo kế hoạch của năm 2012 là 300 tỷ VND, Công ty đã thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn cho 6 tháng đầu năm 2012 với số tiền 150 tỷ VND. Công ty sẽ thực hiện việc điều chỉnh theo chi phí sửa chữa lớn thực tế phát sinh vào thời điểm cuối năm.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

| <u>Tên công ty con</u> | <u>Nơi thành lập và hoạt động</u> | <u>Tỷ lệ sở hữu %</u> | <u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u> | <u>Hoạt động chính</u> |
|--|-----------------------------------|-----------------------|---|----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc | Hải Dương | 50 | 60 | Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

| | 30/6/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Giá gốc khoản đầu tư | 1.193.455.770.150 | 1.193.455.770.150 |
| Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu | - | - |
| | 1.193.455.770.150 | 1.193.455.770.150 |

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần | Tỷ lệ quyền | Hoạt động chính |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------|----------------------------|--------------------|
| | | sở hữu % | biểu quyết năm giữ % | |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng | Hải Phòng | 21,49 | 21,49 | Sản xuất điện |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện việc đánh giá thận trọng khoản đầu tư vào công ty liên kết và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

| | 30/6/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i) | 350.000.000.000 | 350.000.000.000 |
| Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii) | 118.151.962.500 | 118.151.962.500 |
| Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii) | 817.295.117.400 | 817.295.117.400 |
| Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii) | 70.800.000.000 | 70.800.000.000 |
| Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (iii) | 100.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (iii) | 50.250.000.000 | 50.250.000.000 |
| Đầu tư chứng khoán khác (iv) | 46.498.000.000 | 46.498.000.000 |
| Đầu tư khác | 2.293.080.591 | 2.293.080.591 |
| | 1.555.288.160.491 | 1.515.288.160.491 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn | (43.483.000.000) | (44.555.000.000) |
| | 1.511.805.160.491 | 1.470.733.160.491 |

- (i) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay: Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.
- (ii) Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với số tiền là 117.975.000.000 VND với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.
- (iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.
- (iv) Đầu tư chứng khoán khác: là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện việc đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

| | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND | Tổng VND |
|---|--------------------------------------|---|------------------|
| Tại ngày 01/01/2011 | 291.794.939.526 | 34.544.288.606 | 326.339.228.132 |
| Điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | (34.544.288.606) | (34.544.288.606) |
| Tại ngày 31/12/2011 | 291.794.939.526 | - | 291.794.939.526 |
| Tăng lợi nhuận trong kỳ | - | - | - |
| Tại ngày 30/6/2012 | 291.794.939.526 | - | 291.794.939.526 |

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 30/6/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18) | 457.064.964.430 | 495.304.569.014 |
| | 457.064.964.430 | 495.304.569.014 |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 30/6/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 14.094.054.190 | 7.219.283.933 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 741.630.145 | 1.889.077.171 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 372.557.500 | 269.234.316 |
| Các loại thuế khác | 599.366.120 | 8.365.196.741 |
| | 15.807.607.955 | 17.742.792.161 |

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 30/6/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Lãi vay phải trả | 61.148.078.865 | 62.520.000.000 |
| Sửa chữa lớn chưa quyết toán | 337.779.599.457 | 307.068.401.622 |
| Các khoản khác | 1.602.785.618 | 2.782.662.439 |
| | 400.530.463.940 | 372.371.064.061 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | 30/6/2012 | | 31/12/2011 | |
|---|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| | JPY | VND tương đương | JPY | VND tương đương |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 29.707.876.385 | 7.886.633.499.869 | 30.636.247.522 | 8.172.525.388.959 |
| Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ) | (1.856.742.274) | (457.064.964.430) | (1.856.742.274) | (495.304.569.014) |
| Số dư vay dài hạn | 27.851.134.111 | 7.429.568.535.439 | 28.779.505.248 | 7.677.220.819.945 |

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 3 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 30/6/2012 | | 31/12/2011 | |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| | JPY | VND tương đương | JPY | VND tương đương |
| Trong vòng một năm | 1.856.742.274 | 457.064.964.430 | 1.856.742.274 | 495.304.569.014 |
| Trong năm thứ hai | 1.856.742.274 | 457.064.964.430 | 1.856.742.274 | 495.304.569.014 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 5.570.226.822 | 1.371.194.893.290 | 5.570.226.822 | 1.485.913.707.037 |
| Sau năm năm | 20.424.165.015 | 5.601.308.677.719 | 21.352.536.152 | 5.696.002.543.894 |
| | 29.707.876.385 | 7.886.633.499.869 | 30.636.247.522 | 8.172.525.388.959 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng | (1.856.742.274) | (457.064.964.430) | (1.856.742.274) | (495.304.569.014) |
| Số phải trả dài hạn | 27.851.134.111 | 7.429.568.535.439 | 28.779.505.248 | 7.677.220.819.945 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHẬT ĐIỆN PHẢ LẠI
 Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Cổ phiếu quỹ VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND |
|------------------------------------|--------------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---|
| Số dư tại ngày 01/01/2011 | 3.262.350.000.000 | 108.544.202.558 | (90.866.726.821) | - | 309.922.524.263 | 82.500.000.000 | 55.296.954.984 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | 3.897.990.326 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (34.736.002.028) | - | - | - | - |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | - | - | (1.250.000.000) |
| Chênh lệch tỷ giá trong năm | - | - | - | (717.705.848.290) | - | - | - |
| Chuyển các quỹ trong năm | - | 41.201.807.482 | - | - | (41.201.807.482) | - | - |
| Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước | - | - | - | - | - | - | (29.807.906.920) |
| Điều chỉnh khác | - | - | - | - | - | - | 3.772.535.542 |
| Số dư tại ngày 01/01/2012 | 3.262.350.000.000 | 149.746.010.040 | (125.602.728.849) | (717.705.848.290) | 268.720.716.781 | 82.500.000.000 | 31.909.573.932 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | - | - | - | 195.489.542.500 |
| Chênh lệch tỷ giá trong kỳ | - | - | - | 397.092.531.278 | - | - | - |
| Chuyển các quỹ trong kỳ (i) | - | - | - | - | - | - | (14.000.000.000) |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | 603.811.000 | 281.058.500 | (5.254.969.326) |
| Số dư tại ngày 30/6/2011 | 3.262.350.000.000 | 149.746.010.040 | (125.602.728.849) | (320.613.317.012) | 269.324.527.781 | 82.781.058.500 | 208.144.147.106 |

(i) Phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 56 ngày 07 tháng 3 năm 2012. Đại hội đồng Cổ đông chưa có quyết định về việc tạm phân phối này.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
 Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã các cổ đông được góp đủ như sau:

| | Vốn đã góp | | | |
|------------------------------------|--------------------------|---------------|--------------------------|---------------|
| | 30/6/2012 | | 31/12/2011 | |
| | VND | (%) | VND | (%) |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 1.663.918.960.000 | 51,00 | 1.663.918.960.000 | 51,00 |
| Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực | 382.224.300.000 | 11,72 | 392.380.600.000 | 12,03 |
| Cổ đông khác | 1.216.206.740.000 | 37,28 | 1.206.050.440.000 | 36,97 |
| | 3.262.350.000.000 | 100,00 | 3.262.350.000.000 | 100,00 |

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

**Từ ngày 01/01/2012
 đến ngày 30/6/2012
 VND**

| | |
|---|--------------------------|
| Hoạt động sản xuất điện | 2.175.581.382.465 |
| Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 2.174.535.699.694 |
| Điện tự dùng | 1.045.682.771 |
| Hoạt động khác | 26.374.686.257 |
| Doanh thu hoạt động khác | 26.374.686.257 |
| | 2.201.956.068.722 |

Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam thông qua Công ty Mua bán điện (EPTC) chưa bao gồm doanh thu của sản lượng điện chênh lệch giữa sản lượng điện bán thực tế năm 2011 với sản lượng điện bán bình quân/năm theo hợp đồng mua bán điện đã ký giữa Công ty với EPTC. Đối với giá trị doanh thu của phần sản lượng chênh lệch này Công ty và EPTC vẫn đang trong quá trình thương thảo, thống nhất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

**Từ ngày 01/01/2012
 đến ngày 30/6/2012
 VND**

| | |
|----------------------------------|--------------------------|
| Hoạt động sản xuất điện | 1.787.465.840.004 |
| Chi phí than, dầu | 1.146.980.611.838 |
| Chi phí khấu hao | 338.873.646.600 |
| Chi phí sửa chữa lớn | 150.000.000.000 |
| Chi phí lương và bảo hiểm xã hội | 92.355.198.261 |
| Chi phí phụ liệu | 7.164.299.710 |
| Chi phí khác | 52.092.083.595 |
| Hoạt động khác | 8.480.910.271 |
| | 1.795.946.750.275 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**Từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012
VND

| | |
|-----------------------------------|------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 230.279.451.389 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính | 62.353.499.043 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | (30.775.122) |
| | 292.602.175.310 |

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNHTừ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012
VND

| | |
|---|------------------------|
| Lãi tiền vay | 105.235.924.492 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 347.923.909.903 |
| Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn | (1.072.000.000) |
| Chi phí tài chính khác | 128.483.467 |
| | 452.216.317.862 |

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆPTừ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012
VND

| | |
|--|----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ hiện tại | |
| Lợi nhuận trước thuế | 198.350.808.482 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | (193.792.579.721) |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | (194.758.601.375) |
| Chi phí chênh lệch tỷ giá đã tính thuế các năm trước | 194.445.016.678 |
| Khác | 313.584.697 |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 966.021.654 |
| Thu nhập chịu thuế | 4.558.228.761 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.164.303.202 |

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾUTừ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012

| | |
|---|-----------------|
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 195.489.542.500 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 318.154.614 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 614 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | 30/6/2012 VND | 31/12/2011 VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 559.487.757.039 | 1.182.518.046.893 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.900.190.906.881 | 909.521.884.102 |
| Đầu tư ngắn hạn | 2.966.001.965.073 | 2.831.901.965.073 |
| Đầu tư dài hạn khác | 1.511.805.160.491 | 1.470.733.160.491 |
| Tổng cộng | 6.937.485.789.484 | 6.394.675.056.559 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 7.886.633.499.869 | 8.172.525.388.959 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 78.573.733.952 | 198.263.403.013 |
| Chi phí phải trả | 158.922.639.629 | 65.302.662.439 |
| Tổng cộng | 8.124.129.873.450 | 8.436.091.454.411 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn chi tiết về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

| | Công nợ | | Tài sản | |
|--------------------|-------------------|-------------------|-----------|------------|
| | 30/6/2012 | 31/12/2011 | 30/6/2012 | 31/12/2011 |
| | VND | VND | VND | VND |
| Yên Nhật Bản (JPY) | 7.886.633.499.869 | 8.172.525.388.959 | - | - |

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 28.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

| 30/6/2012 | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|-------------------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Các khoản vay | 457.064.964.430 | 7.429.568.535.439 | 7.886.633.499.869 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 78.573.733.952 | - | 78.573.733.952 |
| Chi phí phải trả | 158.922.639.629 | - | 158.922.639.629 |
| | 694.561.338.011 | 7.429.568.535.439 | 8.124.129.873.450 |

| 31/12/2011 | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|-------------------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Các khoản vay | 495.304.569.014 | 7.677.220.819.945 | 8.172.525.388.959 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 198.263.403.013 | - | 198.263.403.013 |
| Chi phí phải trả | 65.302.662.439 | - | 65.302.662.439 |
| | 758.870.634.466 | 7.677.220.819.945 | 8.436.091.454.411 |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| 30/6/2012 | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 559.487.757.039 | - | 559.487.757.039 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.900.190.906.881 | - | 1.900.190.906.881 |
| Đầu tư ngắn hạn | 2.966.001.965.073 | - | 2.966.001.965.073 |
| Đầu tư dài hạn khác | - | 1.511.805.160.491 | 1.511.805.160.491 |
| | 5.425.680.628.993 | 1.511.805.160.491 | 6.937.485.789.484 |

| 31/12/2011 | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.182.518.046.893 | - | 1.182.518.046.893 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 909.521.884.102 | - | 909.521.884.102 |
| Đầu tư ngắn hạn | 2.831.901.965.073 | - | 2.831.901.965.073 |
| Đầu tư dài hạn khác | - | 1.470.733.160.491 | 1.470.733.160.491 |
| | 4.923.941.896.068 | 1.470.733.160.491 | 6.394.675.056.559 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012
VND

| Doanh thu | |
|---|-------------------|
| Bán điện cho Công ty Mua bán điện | 2.174.535.699.694 |
| Trả gốc vay và lãi vay | |
| Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 285.891.889.090 |
| Bù trừ gốc vay và khoản phải thu với Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 285.891.889.090 |
| Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 105.235.924.492 |
| Lãi đầu tư, cho vay | |
| Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 179.219.444.444 |

Số dư với các bên liên quan:

| | 30/6/2012 | 31/12/2011 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 7.886.633.499.869 | 8.172.525.388.959 |
| Phải thu Công ty Mua bán điện | 1.557.113.002.200 | 732.504.499.886 |
| Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng | 1.193.455.770.150 | 1.193.455.770.150 |
| Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh | 817.295.117.400 | 817.295.117.400 |
| Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay | 2.350.000.000.000 | 2.350.000.000.000 |

Thu nhập của Ban Giám đốc:

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012
VND

| | |
|-------|-------------|
| Lương | 427.127.200 |
|-------|-------------|

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Đây là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất bán niên. Do đó, không có số liệu so sánh trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012. Các số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.


Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Sơn

Ngày 09 tháng 8 năm 2012

Kế toán trưởng



Lê Thế Sơn

Người lập



Nguyễn Quang Huy
